

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2025.

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L1 Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông L1 Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Nguyệt L, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ 5, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Mạc Văn L1, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Xóm TN, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Mai Thị Nguyệt L trình bày như sau:

Chị và anh Mạc Văn L1 được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hội, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 30/6/2010. Sau khi cưới anh chị chung sống tại gia đình anh L1 tại xóm Thông Nhất, xã Trung Hội, huyện Định Hoá một thời gian sau đó anh chị chuyển đến nhà mẹ đẻ chị L tại thành phố Thái Nguyên sinh sống. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L1 có thái độ ghen tuông vô cớ và chị nghi ngờ anh L1 có quan hệ với người phụ nữ

khác dẫn đến anh chị thường xuyên nghị kỵ, cãi cọ nhau. Anh, chị sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh L1 có 02 con chung là cháu Mạc Thị Hải Anh, sinh ngày 08/10/2010 và Mạc Bảo Anh, sinh ngày 01/10/2018. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi các cháu trưởng thành vì hiện nay các cháu đang ở cùng với chị có cuộc sống và học tập ổn định. Chị không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L xác định, chị và anh L1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị và anh L1 không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Mạc Văn L1 để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh L1 trước pháp luật. Tuy nhiên, anh L1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, bà Ma Thị Thành là mẹ đẻ của anh Mạc Văn L1 cung cấp thông tin: Gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh L1, nhưng anh L1 nói bận công việc không đến Tòa án làm việc. Bà Thành công nhận chị L và anh L1 được tự nguyện tìm hiểu nhau được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn năm 2010. Chị L về làm dâu và sống cùng nhà với bà một thời gian, đến năm 2011 chị L và anh L1 chuyển đến sống tại gia đình chị L tại Thành phố Thái Nguyên để thuận tiện cho công việc và chăm sóc con. Trong cuộc sống gia đình bà thấy thỉnh thoảng anh chị có mâu thuẫn cãi cọ nhau nhưng bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị; Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Mạc Thị Hải Anh, sinh ngày 08/10/2010 và Mạc Bảo Anh, sinh ngày 01/10/2018 hiện nay các cháu đang sống cùng với chị L; Về tài sản chung, bà Thành xác định không nắm rõ chị L và anh L1 có tài sản chung không, còn nợ chung bà không thấy có ai đến nhà bà đòi nợ chị L và anh L1. Nay chị L xin ly hôn với anh Mạc Văn L1, bà không có ý kiến gì, tùy thuộc vào quyết định của anh chị.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn; giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp

luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự: Chị L đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh L1 không chấp hành, không tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Nguyệt L với anh Mạc Văn L1. Giao con chung là cháu Mạc Thị Hải Anh, sinh ngày 08/10/2010 và Mạc Bảo Anh, sinh ngày 01/10/2018 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung: Chị L xác định chị và anh L1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Mạc Văn L1 – là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Nguyệt L và anh Mạc Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh Mạc Văn L1 để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của anh L1 trước pháp luật. Tuy nhiên, anh L1 không có mặt tại Tòa án

để giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến của mình, điều đó chứng tỏ anh L1 không quan tâm, không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với chị L nữa. Căn cứ lời trình bày của chị L thấy: Quá trình chung sống, giữa chị L và anh L1 nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L kiên quyết xin được ly hôn với anh L1.

Bà Thành là mẹ đẻ của anh L1 trình bày: Việc chị L và anh L1 kết hôn là tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý, trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau và hiện nay đang sống ly thân; Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Mạc Thị Hải Anh và Mạc Bảo Anh, hiện nay các cháu đang ở cùng chị L;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho ly hôn giữa chị L với anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Mạc Thị Hải Anh, sinh ngày 08/10/2010 và Mạc Bảo Anh, sinh ngày 01/10/2018, khi ly hôn chị L đề nghị được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L là người khỏe mạnh, có công việc và chỗ ở ổn định, trong quá trình giải quyết anh L1 không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về việc xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của chị L và hiện nay các cháu Hải Anh và Bảo Anh đang được chị L nuôi dưỡng có cuộc sống và học tập ổn định. Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L xác định, chị và anh L1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Về các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị L xác định, chị và anh L1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Nguyệt L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Nguyệt L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Nguyệt L với anh Mạc Văn L1.

2. Về con chung: Giao con chung là Mạc Thị Hải Anh, sinh ngày 08/10/2010 và Mạc Bảo Anh, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Mai Thị Nguyệt L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Mạc Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Mạc Văn L1 do chị Mai Thị Nguyệt L tự nguyện không yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Nguyệt L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa theo biên lai thu số 0006347, ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Trung Hội, huyện Định Hóa;
- (ĐKKH số 27 ngày 30/6/2010)
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L1 Hồng Khánh